

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Số: 412/2024/CNTH-TB

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất gồm 19 lô đất ở tại MBQH kèm theo quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Gia Yên xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất các lô đất ở tại MBQH kèm theo quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Gia Yên xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích khu đất đấu giá:

Vị trí: Các lô đất ở đưa ra đấu giá của MBQH kèm theo quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Gia Yên xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, có giới hạn như sau:

Các lô đất đưa ra đấu giá tại MBQH số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021:

- + Phía Bắc giáp : Giáp Đường giao thông nông thôn và dân cư hiện trạng;
- + Phía Nam giáp : Giáp đất dân cư hiện trạng và đất nông nghiệp;
- + Phía Đông giáp : Giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây giáp : Giáp đất nông nghiệp

Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 2.853,4 m², được chia thành 19 lô.

3.2. Giá khởi điểm, diện tích và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

* Giá khởi điểm tính theo 01 m² đất: Từ 3.530.000 đồng/01 m² đến 4.250.000 đồng/01 m² đất (Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo).

* Diện tích: Từ 140,9 m² đến 162,5 m²/01 lô đất (Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo).

* Hiện trạng khu đất: đã GPMB và đã có hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: 500.000 đồng/01 bộ hồ sơ/01 lô đất (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại, trừ trường hợp cuộc đấu giá không được tổ chức).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 105.900.000 đồng đến 138.125.000 đồng/01 bộ hồ sơ/01 lô đất (Có phụ lục chi tiết từng lô đất kèm theo).

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá:

- Đấu giá theo hình thức gián tiếp, đấu 01 (một) vòng duy nhất. Trả giá theo 01 m² đất.

- Phiếu trả giá của người tham gia đấu giá phải được bọc bằng chất liệu bảo mật, có chữ ký của người trả giá tại các mép của phong bì đựng phiếu, người tham gia đấu giá tự chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung này. Phiếu trả giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp trực tiếp và được tổ chức đấu giá tài sản bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

- Tại buổi công bố giá sẽ mở niêm phong công bố mức giá đã trả.

6.2. Phương thức đấu giá: Theo phương thức trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trong trường hợp tổ chức đấu giá tiếp: Bước giá để đấu giá là phần chênh lệch giữa mức giá do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất công bố cho vòng đấu tiếp theo so với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất trong 01 lô đất (nếu có) là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất gồm: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai 2013 và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Không tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho các tổ chức ở các lô đất này.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định);

- Phiếu trả giá theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ);

- Bản sao CCCD có gắn chip hoặc Bản sao CCCD chưa gắn chip/CMND kèm Giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Văn bản ủy quyền được thực hiện tại văn phòng công chứng theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản năm 2016.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, nộp phiếu trả giá và tổ chức buổi công bố giá:

- **Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):** Từ ngày 27/9/2024 đến 17h00' ngày 19/10/2024 tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa, bộ phận một cửa UBND huyện Quảng Xương và tại trụ sở UBND xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương.

- **Xem tài sản (Trong giờ hành chính):** Liên tục từ ngày 14/10/2024 đến hết ngày 15/10/2024 tại thực địa khu đất MBQH kèm theo quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Gia Yên xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại UBND xã Quảng Ngọc, bộ phận một cửa UBND huyện Quảng Xương, trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian: Trong 03 ngày; ngày 17/10/2024; 18/10/2024 đến 17h00' ngày 21/10/2024.

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:



+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 3525238678888

+ Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh huyện Thiệu Hóa.

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: “Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, Số CMND/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ xã Quảng Ngọc (Số lượng lô đất)”.

+ Lưu ý: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản theo tên của người đăng ký tham gia đấu giá và tiền đặt trước phải có trong tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa chậm nhất đến 17h00' ngày 21/10/2024.



- Thời gian và địa điểm tiếp nhận phiếu trả giá (Trong giờ hành chính):

+ Nộp trực tiếp tại UBND xã Quảng Ngọc (Trong giờ hành chính): Vào ngày 21/10/2024.

+ Nộp qua đường bưu chính tới Trụ sở công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) (bằng chuyển phát nhanh có báo phát) nhận trong giờ hành chính và trước 17h00' ngày 21/10/2024. Bên ngoài phong bì đựng phiếu trả giá ghi rõ nội dung: Họ tên người tham gia đấu giá; phiếu trả giá đấu giá QSDĐ xã Quảng Ngọc.

+ Thời điểm kết thúc nhận phiếu trả giá và niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 17 giờ 00 phút ngày 21/10/2024

- Tổ chức buổi công bố giá: Vào hồi 08h00 ngày 22/10/2024 – Thứ 3 tại Hội trường UBND xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương.

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Công TT điện tử QG về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- UBND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Ngọc;
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH



Kiều Thị Lan

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỐ 5 – QUỐC GIA
CHI NHÁNH THANH HÓA

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 9 năm 2024

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất ở tại MBQH kèm theo quyết định số 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Gia Yên xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Thông báo số: 412/2024/CNTH-TB ngày 23/9/2024 của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đồng/lô)
I	Đất ở chia lô liền kề khu (LK-A)					
1	LK-A:01	140,9	4.250.000	598.825.000	500.000	119.765.000
2	LK-A:11	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
3	LK-A:12	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
4	LK-A:13	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
5	LK-A:15	150,0	3.850.000	577.500.000	500.000	115.500.000
II	Đất ở chia lô liền kề khu (LK-B)					
1	LK-B:01	162,5	4.250.000	690.625.000	500.000	138.125.000
2	LK-B:02	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
3	LK-B:03	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
4	LK-B:04	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
5	LK-B:05	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
6	LK-B:06	150,0	4.250.000	637.500.000	500.000	127.500.000
III	Đất ở chia lô liền kề khu (LK-C)					
1	LK-C:04	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
2	LK-C:05	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
3	LK-C:06	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
4	LK-C:07	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
5	LK-C:10	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
6	LK-C:11	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
7	LK-C:12	150,0	3.530.000	529.500.000	500.000	105.900.000
8	LK-C:13	150,0	4.250.000	637.500.000	500.000	127.500.000
Tổng: 19 lô đất		2.853,4		10.554.950.000		2.110.990.000



STATEMENT

showing the particulars of the shares held by the company as on the 31st March 19

The particulars of the shares held by the company as on the 31st March 19

Sl. No.	No. of Shares	Name of Shareholder	Class of Shares	No. of Shares	Particulars
1	1000	Mr. A. B. C.	Equity	1000	1000
2	500	Mr. D. E. F.	Equity	500	500
3	200	Mr. G. H. I.	Equity	200	200
4	100	Mr. J. K. L.	Equity	100	100
5	50	Mr. M. N. O.	Equity	50	50
6	25	Mr. P. Q. R.	Equity	25	25
7	10	Mr. S. T. U.	Equity	10	10
8	5	Mr. V. W. X.	Equity	5	5
9	2	Mr. Y. Z. A.	Equity	2	2
10	1	Mr. B. C. D.	Equity	1	1
11	1000	Mr. E. F. G.	Equity	1000	1000
12	500	Mr. H. I. J.	Equity	500	500
13	200	Mr. K. L. M.	Equity	200	200
14	100	Mr. N. O. P.	Equity	100	100
15	50	Mr. Q. R. S.	Equity	50	50
16	25	Mr. T. U. V.	Equity	25	25
17	10	Mr. W. X. Y.	Equity	10	10
18	5	Mr. Z. A. B.	Equity	5	5
19	2	Mr. C. D. E.	Equity	2	2
20	1	Mr. F. G. H.	Equity	1	1
21	1000	Mr. I. J. K.	Equity	1000	1000
22	500	Mr. L. M. N.	Equity	500	500
23	200	Mr. O. P. Q.	Equity	200	200
24	100	Mr. R. S. T.	Equity	100	100
25	50	Mr. U. V. W.	Equity	50	50
26	25	Mr. X. Y. Z.	Equity	25	25
27	10	Mr. A. B. C.	Equity	10	10
28	5	Mr. D. E. F.	Equity	5	5
29	2	Mr. G. H. I.	Equity	2	2
30	1	Mr. J. K. L.	Equity	1	1
31	1000	Mr. M. N. O.	Equity	1000	1000
32	500	Mr. P. Q. R.	Equity	500	500
33	200	Mr. S. T. U.	Equity	200	200
34	100	Mr. V. W. X.	Equity	100	100
35	50	Mr. Y. Z. A.	Equity	50	50
36	25	Mr. B. C. D.	Equity	25	25
37	10	Mr. E. F. G.	Equity	10	10
38	5	Mr. H. I. J.	Equity	5	5
39	2	Mr. K. L. M.	Equity	2	2
40	1	Mr. N. O. P.	Equity	1	1
41	1000	Mr. Q. R. S.	Equity	1000	1000
42	500	Mr. T. U. V.	Equity	500	500
43	200	Mr. W. X. Y.	Equity	200	200
44	100	Mr. Z. A. B.	Equity	100	100
45	50	Mr. C. D. E.	Equity	50	50
46	25	Mr. F. G. H.	Equity	25	25
47	10	Mr. I. J. K.	Equity	10	10
48	5	Mr. L. M. N.	Equity	5	5
49	2	Mr. O. P. Q.	Equity	2	2
50	1	Mr. R. S. T.	Equity	1	1
51	1000	Mr. U. V. W.	Equity	1000	1000
52	500	Mr. X. Y. Z.	Equity	500	500
53	200	Mr. A. B. C.	Equity	200	200
54	100	Mr. D. E. F.	Equity	100	100
55	50	Mr. G. H. I.	Equity	50	50
56	25	Mr. J. K. L.	Equity	25	25
57	10	Mr. M. N. O.	Equity	10	10
58	5	Mr. P. Q. R.	Equity	5	5
59	2	Mr. S. T. U.	Equity	2	2
60	1	Mr. V. W. X.	Equity	1	1
61	1000	Mr. Y. Z. A.	Equity	1000	1000
62	500	Mr. B. C. D.	Equity	500	500
63	200	Mr. E. F. G.	Equity	200	200
64	100	Mr. H. I. J.	Equity	100	100
65	50	Mr. K. L. M.	Equity	50	50
66	25	Mr. N. O. P.	Equity	25	25
67	10	Mr. Q. R. S.	Equity	10	10
68	5	Mr. T. U. V.	Equity	5	5
69	2	Mr. W. X. Y.	Equity	2	2
70	1	Mr. Z. A. B.	Equity	1	1
71	1000	Mr. C. D. E.	Equity	1000	1000
72	500	Mr. F. G. H.	Equity	500	500
73	200	Mr. I. J. K.	Equity	200	200
74	100	Mr. L. M. N.	Equity	100	100
75	50	Mr. O. P. Q.	Equity	50	50
76	25	Mr. R. S. T.	Equity	25	25
77	10	Mr. U. V. W.	Equity	10	10
78	5	Mr. X. Y. Z.	Equity	5	5
79	2	Mr. A. B. C.	Equity	2	2
80	1	Mr. D. E. F.	Equity	1	1
81	1000	Mr. G. H. I.	Equity	1000	1000
82	500	Mr. J. K. L.	Equity	500	500
83	200	Mr. M. N. O.	Equity	200	200
84	100	Mr. P. Q. R.	Equity	100	100
85	50	Mr. S. T. U.	Equity	50	50
86	25	Mr. V. W. X.	Equity	25	25
87	10	Mr. Y. Z. A.	Equity	10	10
88	5	Mr. B. C. D.	Equity	5	5
89	2	Mr. E. F. G.	Equity	2	2
90	1	Mr. H. I. J.	Equity	1	1
91	1000	Mr. K. L. M.	Equity	1000	1000
92	500	Mr. N. O. P.	Equity	500	500
93	200	Mr. Q. R. S.	Equity	200	200
94	100	Mr. T. U. V.	Equity	100	100
95	50	Mr. W. X. Y.	Equity	50	50
96	25	Mr. Z. A. B.	Equity	25	25
97	10	Mr. C. D. E.	Equity	10	10
98	5	Mr. F. G. H.	Equity	5	5
99	2	Mr. I. J. K.	Equity	2	2
100	1	Mr. L. M. N.	Equity	1	1